

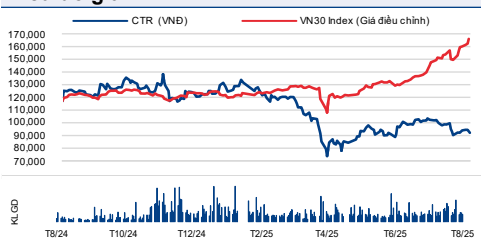
Mua vào

Giá mục tiêu: VNĐ123,000
Tiềm năng tăng/giảm: 33.6%

Giá cổ phiếu (đồng) (15/8/2025)	92,100
Mã Bloomberg	CTR VN
Giá cao/thấp 52 tuần (đ)	73,900-138,200
GTGD (bq 5 phiên) (tr.đ)	93,880
Vốn hóa thị trường (tỷ đ)	10,535
Vốn hóa trị trường (tr.USD)	401
Slg CP lưu hành (tr.đv)	114
Slg CP NN được sở hữu (tr.đv)	56.0
Slg CP NN được mua (tr.đv)	47.1
Giới hạn tỷ lệ sở hữu NN	49.0%
Tỷ lệ sở hữu của NN	7.80%
Tỷ lệ freefloat	34.3%
Cổ đông lớn	Tập đoàn Viettel (65.7%)

Nguồn: Công ty, Ước tính của HSC

Biểu đồ giá



Nguồn: Công ty, FactSet

Tóm tắt tài chính và định giá

Cuối năm: Thg12	12-24A	12-25F	12-26F
DT thuần (tỷ đồng)	12,610	14,355	16,458
EBITDA đc (tỷ đồng)	1,032	1,233	1,592
LNTT (tỷ đồng)	672	738	857
LNT ĐC (tỷ đồng)	403	442	513
FCF (tỷ đồng)	340	(388)	(3.09)
EPS ĐC (đồng)	3,522	3,865	4,487
DPS (đồng)	1,000	1,200	1,500
BVPS (đồng)	16,305	18,970	21,957
T.trưởng EBITDA (%)	13.4	19.5	29.1
T.trưởng EPS ĐC (%)	1.44	9.76	16.1
Tăng trưởng DPS (%)	(63.2)	20.0	25.0
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.18	8.59	9.67
Tỷ suất LNTT (%)	5.33	5.14	5.21
Tỷ suất LNT ĐC (%)	4.27	4.12	4.17
Tỷ lệ LN trả CT (%)	28.4	31.0	33.4
Nợ thuần/VCSH (%)	61.7	82.2	81.7
ROAE (%)	27.9	29.3	29.3
ROACE (%)	29.5	28.7	28.4
EV/doanh thu (lần)	0.83	0.78	0.69
EV/EBITDA ĐC (lần)	10.1	9.12	7.12
P/E ĐC (lần)	26.2	23.8	20.5
P/B (lần)	5.65	4.85	4.19
Lợi suất cổ tức (%)	1.09	1.30	1.63

Nguồn: Bloomberg, HSC ước tính

Mô tả doanh nghiệp

Khởi đầu là đơn vị xây dựng cho Viettel, tập đoàn viễn thông số 1 tại Việt Nam, CTR hiện đã trở thành doanh nghiệp đi đầu trong lĩnh vực hạ tầng viễn thông với sự tham gia vào các mảng xây dựng, vận hành và đầu tư cho thuê hạ tầng.

Chuyên viên phân tích

Mai Đoàn Ngọc Hân

Chuyên viên phân tích cao cấp, Ngành
han.mdn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299

Võ Thị Ngọc Hân, CFA

Giám Đốc Cấp Cao, Ngành Công Nghiệp
han.vtn@hsc.com.vn
+84 28 3823 3299 Ext. 314

Tháng 7/2025: Tăng trưởng mạnh, dẫn dắt bởi mảng cho thuê hạ tầng và xây dựng

- CTR công bố KQKD tháng 7 vững chắc, với doanh thu tăng 17% so với cùng kỳ, đạt 1.317 tỷ đồng và LNTT cũng tăng 17% so với cùng kỳ, đạt 67 tỷ đồng. Trong đó, doanh thu mảng cho thuê hạ tầng (tăng 40% so với cùng kỳ) và mảng xây dựng (tăng 31% so với cùng kỳ) là những động lực tăng trưởng doanh thu chính.
- Trong 7 tháng đầu năm 2025, LNTT tăng 32% so với cùng kỳ đạt 402 tỷ đồng trên doanh thu thuần 7.332 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ). CTR đã bổ sung thêm 930 trạm BTS mới trong 7 tháng đầu năm 2025, ít hơn so với 1.785 trạm trong 7 tháng đầu năm 2024, do Công ty lựa chọn kỹ lưỡng các vị trí lắp đặt nhằm tối ưu hóa tỷ lệ dùng chung trạm. Với kết quả trên, tổng số trạm BTS đạt 10.930 trạm vào cuối tháng 7. Tỷ lệ dùng chung trạm không đổi ở mức 1.03 lần.
- LNTT 7 tháng đầu năm 2025 hoàn thành 56% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi – sát với dự báo. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào đối với CTR, với giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 34%).

Sự kiện: Công bố KQKD tháng 7/2025

Doanh thu tháng 7/2025 của CTR vẫn tích cực, tăng 17% so với cùng kỳ (và tăng 19% so với tháng trước) lên 1.317 tỷ đồng, trong khi LNTT tăng 17% so với cùng kỳ (nhưng giảm 2% so với tháng trước) xuống 67 tỷ đồng. LNTT thấp hơn so với tháng trước chủ yếu do lỗ tài chính nhỉnh hơn khi chi phí lãi vay từ các khoản vay vốn lưu động ngắn hạn tăng.

Trong 7 tháng đầu năm 2025, LNTT tăng 32% so với cùng kỳ lên 402 tỷ đồng trên doanh thu thuần 7.332 tỷ đồng (tăng 30% so với cùng kỳ), hoàn thành lần lượt 56% và 53% dự báo cho cả năm 2025 của chúng tôi – nhìn chung sát với dự báo.

Đà tăng trưởng tích cực của mảng cho thuê hạ tầng và xây dựng thúc đẩy doanh thu tháng 7

Nhìn chung, mảng cho thuê hạ tầng và xây dựng là động lực tăng trưởng doanh thu chính trong tháng, mang lại KQKD tích cực nhất. Chi tiết như sau:

- Doanh thu **mảng xây dựng** tăng 31% so với cùng kỳ và so với tháng trước, đạt 496 tỷ đồng trong tháng 7/2025 và đạt 2.399 tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2025, tăng 14% so với cùng kỳ. KQKD tích cực này được thúc đẩy bởi tiến độ vững chắc của các dự án B2B và BĐS nhà ở.
- Mảng cho thuê hạ tầng** duy trì đà tăng trưởng doanh thu tích cực, tăng 40% so với cùng kỳ và tăng 3% so với tháng trước đạt 74 tỷ đồng trong tháng 7/2025 trong khi tăng vọt 45% so với cùng kỳ lên 485 tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2025. Trong 7 tháng đầu năm 2025, CTR đã bổ sung thêm 930 trạm BTS mới, nâng tổng số trạm BTS lên 10.930 trạm tính đến cuối tháng 7. Với kết quả trên, CTR tiếp tục củng cố vị thế là towerco hàng đầu Việt Nam. Trong số đó, có 370 trạm BTS có hơn hai khách thuê và tỷ lệ dùng chung trạm không đổi ở mức 1.03 lần.

Bản gốc bằng tiếng Anh của báo cáo này được phát hành vào ngày 18/8 .

(Xem tiếp trang 2)

Bảng 1: KQKD sơ bộ tháng 7 và 7 tháng đầu năm 2025, CTR

LNTT tháng 7 tăng mạnh 17% so với cùng kỳ (nhưng giảm 2% so với tháng trước)

Tỷ đồng	T7/25	So với cùng kỳ	So với tháng trước	7T25	So với cùng kỳ	DB 2025 HSC	% hoàn thành
Doanh thu	1,317	17.0%	18.8%	7,332	29.7%	13,822	53.0%
LNTT	67	16.6%	-2.3%	402	31.7%	725	55.5%
Tỷ suất LNTT (%)	5.1%	+0ppts	-1.1ppts	5.5%	+0.1ppts	5.2%	

Nguồn: CTR, HSC

- HSC lưu ý rằng CTR đang tìm cách nâng tỷ lệ dùng chung trạm lên 1.045 lần trong năm 2025 và ưu tiên tìm kiếm các địa điểm có thể được sử dụng bởi cả 3 nhà mạng lớn để tối ưu hóa doanh thu cho thuê, điều này đã làm việc bổ sung các trạm BTS mới chậm hơn trong tháng 6-7, với 160 trạm BTS mới mỗi tháng, so với 412-416 trạm của cùng kỳ năm ngoái. Mặc dù số lượng trạm BTS mới sát với mục tiêu 2.000 trạm của CTR, nhưng thấp hơn kỳ vọng của chúng tôi ở mức 3.000 trạm mới trong năm 2025.
- Doanh thu **mảng giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật** tăng 29% so với cùng kỳ (và tăng 2% so với tháng trước) lên 197 tỷ đồng trong tháng 7/2025 và tăng 14% so với cùng kỳ lên 990 tỷ đồng trong 7 tháng đầu năm 2025. Doanh thu mảng này chủ yếu được thúc đẩy bởi nhu cầu lắp đặt thiết bị năng lượng mặt trời từ các doanh nghiệp và hộ gia đình. Trong tháng 7/2025, CTR đã ký hợp đồng và triển khai tổng cộng 15.6MW năng lượng mặt trời cho các công ty sản xuất – hợp đồng trị giá 133 tỷ đồng, tháng có doanh thu cao nhất kể từ năm 2019.
- Doanh thu **mảng vận hành mạng lưới** tăng 2% so với cùng kỳ (và tăng 20% so với tháng trước) trong tháng 7/2025, đạt 549 tỷ đồng, trong khi doanh thu 7 tháng không đổi so với cùng kỳ, đạt 3.433 tỷ đồng. Chúng tôi cho rằng doanh thu tăng chậm lại phản ánh xu hướng cắt giảm chi tiêu cho CNTT trong bối cảnh những bất ổn kinh tế.

Duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu

KQKD 7 tháng đầu năm 2025 của CTR hoàn thành lần lượt 53% và 56% dự báo doanh thu và LNTT cho cả năm 2025 của HSC, nhìn chung sát với dự báo.

Sau khi giá cổ phiếu tăng 3% trong 3 tháng qua và diễn biến kém tích cực hơn so với chỉ số VN Index, CTR đang giao dịch với EV/ EBITDA trượt dự phóng là 8,9 lần, thấp hơn so với bình quân từ năm 2021 ở mức 11,1 lần. Chúng tôi tiếp tục ưa thích cổ phiếu CTR vì đây là towerco hàng đầu Việt Nam và là đơn vị hưởng lợi lớn từ việc thương mại hóa mạng 5G. Chúng tôi duy trì khuyến nghị Mua vào và giữ nguyên giá mục tiêu 123.000đ (tiềm năng tăng giá 34%).

Bảng 2: Cơ cấu doanh thu T7/2025 và 7 tháng đầu năm 2025, CTR

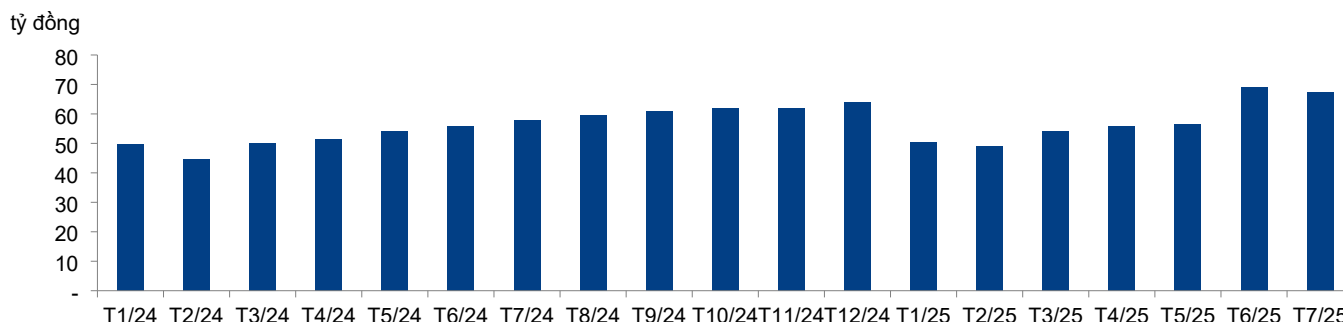
Doanh thu của tất cả các mảng đều tăng trưởng mạnh, trong đó mảng cho thuê hạ tầng và xây dựng là động lực tăng trưởng chính

Tỷ đồng	T7/2024	T7/2025	So với cùng kỳ	7T24	7T25	So với cùng kỳ	Tỷ trọng 7T24	Tỷ trọng 7T25	T7/2024
Doanh thu thuần	1,126	1,317	17.0%	18.8%	6,777	7,332	8.2%	100.0%	100.0%
Vận hành	538	549	2.0%	19.5%	3,418	3,433	0.4%	50.4%	46.8%
Xây dựng	380	496	30.5%	31.1%	2,111	2,399	13.6%	31.1%	32.7%
Giải pháp tích hợp và dịch vụ kỹ thuật	153	197	28.6%	1.9%	871	990	13.7%	12.9%	13.5%
Cho thuê hạ tầng	53	74	39.6%	2.5%	336	485	44.6%	5.0%	6.6%

Nguồn: CTR, HSC

Biểu đồ 3: LNTT hàng tháng, CTR

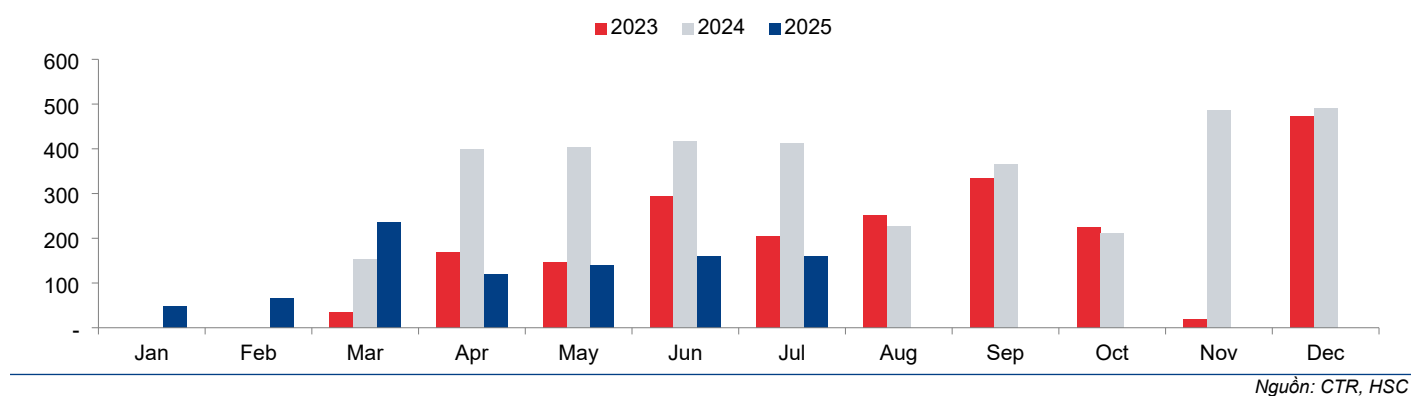
LNTT trong tháng 6 & tháng 7 tích cực nhờ tất cả các mảng kinh doanh tăng trưởng vững chắc



Nguồn: CTR, HSC

Biểu đồ 4: Số trạm BTS mới hàng tháng, CTR

Số trạm BTS mới bổ sung tăng chậm lại trong tháng 4-5/2025 do các vị trí lắp đặt được lựa chọn nhằm tối ưu hóa tỷ lệ dùng chung trạm



BCTC và chỉ số tài chính chủ chốt

Báo cáo KQ HKKD (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Doanh thu	11,370	12,610	14,355	16,458	18,474
Lợi nhuận gộp	902	884	1,080	1,256	1,436
Chi phí BH&QL	(248)	(169)	(287)	(329)	(369)
Thu nhập khác	2.82	3.98	0	0	0
Chi phí khác	(4.96)	(6.50)	(5.74)	(6.58)	(7.39)
EBIT	652	713	787	920	1,059
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Lãi/lỗ trong Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Lợi nhuận khác	-	-	-	-	-
LN không thường xuyên	-	-	-	-	-
LNTT	656	672	738	857	988
Chi phí thuế TNDN	(131)	(134)	(148)	(171)	(198)
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
LNST không thường xuyên	-	-	-	-	-
Lợi nhuận thuần	525	538	591	686	791
Lợi nhuận thuần ĐC	397	403	442	513	592
EBITDA ĐC	910	1,032	1,233	1,592	1,842
EPS (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
EPS ĐC (đồng)	3,472	3,522	3,865	4,487	5,173
DPS (đồng)	2,720	1,000	1,200	1,500	2,000
Slg CP bình quân (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114
Slg CP pha loãng cuối kỳ (triệu đv)	114	114	114	114	114

Bảng cân đối kế toán (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Tiền & tương đương tiền	819	887	739	795	723
Đầu tư ngắn hạn	1,000	854	574	658	739
Phải thu khách hàng	2,999	2,937	3,230	3,621	3,972
Hàng tồn kho	790	610	646	724	794
Các tài sản ngắn hạn khác	81.1	134	122	132	139
Tổng tài sản ngắn hạn	5,689	5,421	5,311	5,930	6,367
TSCĐ hữu hình	285	191	100	7.16	(88.8)
TSCĐ vô hình	0	0	0	0	0
Bất động sản đầu tư	829	1,223	2,268	2,510	2,531
Đầu tư dài hạn	153	252	252	252	252
Đầu tư vào Cty LD,LK	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	35.7	19.7	22.5	25.7	28.9
Tổng tài sản dài hạn	1,302	1,685	2,642	2,794	2,722
Tổng cộng tài sản	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
Nợ ngắn hạn	1,196	1,052	1,148	1,317	1,108
Phải trả người bán	581	608	718	823	924
Nợ ngắn hạn khác	1,987	2,388	2,351	2,351	2,351
Tổng nợ ngắn hạn	4,602	4,653	4,911	5,275	5,258
Nợ dài hạn	378	573	872	938	957
Thuế TNDN hoãn lại phải trả	0	0	0	0	0
Nợ dài hạn khác	14.7	15.3	0	0	0
Tổng nợ dài hạn	392	588	872	938	957
Tổng nợ phải trả	4,994	5,241	5,784	6,213	6,215
Vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Lợi ích cổ đông thiểu số	0	0	0	0	0
Tổng vốn chủ sở hữu	1,997	1,865	2,170	2,512	2,874
Tổng nợ phải trả và VCSH	6,991	7,106	7,954	8,724	9,090
BVPS (đ)	17,456	16,305	18,970	21,957	25,130
Nợ thuần*/(tiền mặt)	755	738	1,281	1,459	1,342

Báo cáo LCTT (tỷ đồng)	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
EBIT	652	713	787	920	1,059
Khấu hao	(258)	(319)	(445)	(671)	(783)
Lãi vay thuần	3.85	(41.1)	(49.0)	(63.3)	(70.7)
Thuế TNDN đã nộp	(57.7)	(116)	(148)	(171)	(198)
Thay đổi vốn lưu động	(195)	465	(129)	(274)	(229)
Khác	96.6	(133)	110	(265)	(281)
LCT thuần từ HKKD	573	1,141	1,012	817	1,058
Đầu tư TS dài hạn	(483)	(801)	(1,400)	(820)	(708)
Góp vốn & đầu tư	(2,222)	(1,651)	0	0	0
Thanh lý	0	1.11	0	0	0
Khác	2,546	1,850	(2.73)	(3.29)	(3.15)
LCT thuần từ HĐĐT	(159)	(600)	(1,403)	(823)	(711)
Cổ tức trả cho CSH	(117)	(525)	(137)	(172)	(229)
Thu từ phát hành CP	0	0	0	0	0
Tăng/giảm nợ	108	51.4	396	234	(189)
Khác	0	0	(15.3)	0	0
LCT thuần từ HĐTC	(9.31)	(474)	243	62.2	(418)
Tiền & tương đương tiền đầu kì	414	819	887	739	795
LCT thuần trong kỳ	404	66.8	(148)	55.8	(71.7)
Ảnh hưởng của tỷ giá	-	-	-	-	-
Tiền & tương đương tiền cuối kì	818	885	739	795	723
Dòng tiền tự do	89.7	340	(388)	(3.09)	350

Các chỉ số tài chính	12-23A	12-24A	12-25F	12-26F	12-27F
Chỉ số hoạt động					
Tỷ suất LN gộp (%)	7.93	7.01	7.53	7.63	7.77
Tỷ suất EBITDA ĐC (%)	8.01	8.18	8.59	9.67	9.97
Tỷ suất LNT (%)	4.61	4.27	4.12	4.17	4.28
Thuế TNDN hiện hành (%)	20.0	19.9	20.0	20.0	20.0
Tăng trưởng doanh thu (%)	20.1	10.9	13.8	14.7	12.2
Tăng trưởng EBITDA ĐC (%)	17.6	13.4	19.5	29.1	15.7
Tăng trưởng LNT ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng EPS ĐC (%)	1.79	1.44	9.76	16.1	15.3
Tăng trưởng DPS (%)	(6.82)	(63.2)	20.0	25.0	33.3
Tỷ lệ LN thuần trả CT (%)	78.4	28.4	31.0	33.4	38.7
Chỉ số lợi nhuận					
ROAE (%)	28.9	27.9	29.3	29.3	29.4
ROACE (%)	30.3	29.5	28.7	28.4	29.1
Vòng quay tài sản (lần)	1.74	1.79	1.91	1.97	2.07
Tiền mặt HD/EBIT (lần)	0.88	1.60	1.29	0.89	1.00
Số ngày tồn kho	27.5	19.0	17.8	17.4	17.0
Số ngày phải thu	105	91.4	88.8	86.9	85.1
Số ngày phải trả	20.3	18.9	19.7	19.8	19.8
Cơ cấu vốn					
Nợ thuần*/VCSH (%)	70.9	61.7	82.2	81.7	70.5
Nợ/tài sản (%)	32.0	28.7	31.7	32.6	30.2
EBIT/lãi vay (lần)	N/a	17.4	16.1	14.5	15.0
Nợ/EBITDA (lần)	2.45	1.97	2.05	1.79	1.49
Chỉ số TT hiện thời (lần)	1.24	1.17	1.08	1.12	1.21
Định giá					
EV/doanh thu (lần)	0.90	0.83	0.78	0.69	0.60
EV/EBITDA ĐC (lần)	11.3	10.1	9.12	7.12	6.05
P/E (lần)	26.5	26.2	23.8	20.5	17.8
P/E ĐC (lần)	26.5	26.2	23.8	20.5	17.8
P/B (lần)	5.28	5.65	4.85	4.19	3.66
Lợi suất cổ tức (%)	2.95	1.09	1.30	1.63	2.17

Ghi chú: *Không bao gồm các khoản Đầu tư ngắn hạn.
 Nguồn: Công ty, HSC ước tính

Tuyên bố miễn trách

Bản quyền thuộc về CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HSC) 2021.

Báo cáo này được HSC hoặc một trong các chi nhánh viết và phát hành để phân phối tại Việt Nam và nước ngoài; phục vụ cho các nhà đầu tư tổ chức chuyên nghiệp là khách hàng của HSC và đồng ý nhận các sản phẩm nghiên cứu phân tích dành cho khách hàng tổ chức của HSC. Nếu quý độc giả không thuộc đối tượng nhà đầu tư nói trên, báo cáo này sẽ không nhằm phục vụ quý độc giả và quý độc giả không nên đọc hoặc dựa vào nội dung báo cáo này.

Báo cáo nghiên cứu này được viết với mục tiêu duy nhất là cung cấp những thông tin khái quát đến nhà đầu tư tổ chức. Báo cáo này không nhằm tới những mục tiêu đầu tư cụ thể, tình trạng tài chính cụ thể hay nhu cầu cụ thể của bất kỳ người nào nhận được hoặc đọc báo cáo này. Nhà đầu tư phải có quyết định của riêng mình dựa trên tình hình tài chính và mục tiêu đầu tư cụ thể của mình. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào tại bất kỳ lãnh thổ có quyền tài phán nào. Đồng thời, các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo cũng không nhằm mục đích quảng cáo cho bất cứ công cụ tài chính nào.

Ý kiến, dự báo và ước tính chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành, không được xem là quan điểm của HSC và có thể thay đổi mà không cần thông báo. HSC có thể đưa ra khuyến nghị hoặc nhận định khác đối với các đối tượng nhà đầu tư không đồng ý với nội dung của báo cáo này. HSC không có nghĩa vụ phải cập nhật, sửa đổi báo cáo này dưới mọi hình thức cũng như thông báo với người đọc trong trường hợp các quan điểm, dự báo và ước tính trong báo cáo này thay đổi hoặc trở nên không chính xác. Thông tin trong báo cáo này được thu thập từ nhiều nguồn khác nhau và chúng tôi không đảm bảo về sự hoàn chỉnh cũng như độ chính xác của thông tin.

HSC có thể sử dụng các nghiên cứu trong báo cáo này cho hoạt động mua bán chứng khoán tự doanh hoặc mua bán chứng khoán cho các quỹ mà HSC đang quản lý. HSC có thể giao dịch cho chính công ty theo những gợi ý về giao dịch ngắn hạn của các chuyên gia phân tích trong báo cáo này và cũng có thể tham gia vào các giao dịch chứng khoán trái ngược với ý kiến tư vấn và quan điểm thể hiện trong báo cáo này. Nhân viên của HSC có thể có lợi ích tài chính ở những chứng khoán được đề cập trong báo cáo này hoặc các công cụ có liên quan. HSC có thể có nghiệp vụ ngân hàng đầu tư hoặc tìm kiếm mối quan hệ hợp tác kinh doanh với những công ty được đề cập đến trong báo cáo này.

Nhà đầu tư phải lưu ý rằng giá và khối lượng giao dịch của các công cụ tài chính luôn biến động, có thể lên hoặc xuống. Những diễn biến trong quá khứ, nếu có, không hàm ý cho những kết quả tương lai.

Báo cáo này là tài sản của HSC và không được công bố rộng rãi ra công chúng, vì vậy không ai được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo hay toàn bộ báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của HSC. Mọi cá nhân, tổ chức sẽ chịu trách nhiệm đối với HSC về bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại nào mà HSC hoặc khách hàng của HSC phải chịu do bất kỳ hành vi vi phạm theo Tuyên bố miễn trách này và theo quy định của pháp luật.

Giải thích các mức đánh giá cổ phiếu dành cho khách hàng tổ chức

Mua vào: Kỳ vọng tăng giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Tăng tỷ trọng: Kỳ vọng tăng giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Nắm giữ: Kỳ vọng tăng giá hoặc giảm giá dưới 5% trong khoảng thời gian 12 tháng
Giảm tỷ trọng: Kỳ vọng giảm giá từ 5% đến 20% trong khoảng thời gian 12 tháng
Bán ra: Kỳ vọng giảm giá trên 20% trong khoảng thời gian 12 tháng



CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT VÀ ĐỘI NGŨ PHÂN TÍCH HÀNG ĐẦU VIỆT NAM
Được trao bởi Finance Asia, Asiamoney, Institutional Investor & Thomson Reuters

TRỤ SỞ CHÍNH

Tầng 5 & 6, Tòa nhà AB
76 Lê Lai, Quận 1, TPHCM
T: (+84 28) 3823 3299
F: (+84 28) 3823 3301

CHI NHÁNH HÀ NỘI

Tầng 2, Tòa nhà Cornerstone
16 Phan Chu Trinh, Quận Hoàn Kiếm
T: (+84 24) 3933 4693
F: (+84 24) 3933 4822

E: info@hsc.com.vn W: www.hsc.com.vn